TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-ST
Ngày: 25-01-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Phúc;

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 192/2017/TLST-DS, ngày 31 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đào Thị Mỹ U, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Tổ 6, ấp C2, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1962; đại chỉ cư trú: Tổ 4, ấp 4, xã D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ký ngày 31/7/2017).

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1947;

2. Bà Đặng Thị Hồng M, sinh năm 1953;

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp C2, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Bà M, ông T, bà M có mặt; chị U vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 7 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án chị Đào Thị Mỹ U và người đại diện theo ủy quyền bà Đỗ Thị M trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Hồng M có vay tiền của chị Đào Thị Mỹ U cụ thể các lần như sau:

- Ngày 18/02/2013 (dương lịch), ông T, bà M vay số tiền 45.000.000 đồng; ngày 27/02/2013 (dương lịch), ông T, bà M vay số tiền 17.000.000 đồng; ngày 12/6/2013 (dương lịch), ông T, bà M vay số tiền 16.000.000 đồng. Tổng cộng ông T, bà M vay của chị U số tiền gốc là 78.000.000 đồng; tất cả các lần vay ông T bà M đều có ký giấy biên nhận nợ, lãi suất thỏa thuận 02%/tháng/1.000.000 đồng, nhưng không ghi vào giấy nhận nợ; hai bên thỏa thuận thời gian trả nợ nhưng khi nào chị U có nhu cầu lấy lại tiền thì báo trước 02 tháng; từ khi vay ông T, bà M có trả tiền lãi suất cho chị U đến tháng 7/2013 số tiền 5.280.000 đồng thì không trả nữa cho đến ngày 30/12/2016 bà M tiếp tục trả tiền lãi thêm 17.000.000 đồng và không trả nữa cho đến nay. Khi chị U có nhu cầu lấy lại tiền vay và nhiều lần yêu cầu ông T, bà M trả tiền gốc 78.000.000 đồng nhưng ông T, bà M không trả nên chị U khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Thị Hồng M có nghĩa vụ trả cho chị U số tiền vay gốc 78.000.000 đồng và 25.120.000 đồng tiền lãi suất (tính từ ngày 12/7/2013 đến ngày khởi kiện là 48 tháng x 1,125%/tháng = 42.120.000 đồng và trừ số tiền lãi bà M đã trả 17.000.000 đồng); tổng cộng chị U yêu cầu bà M, ông T phải trả số tiền 103.120.000 đồng, không yêu cầu gì thêm.

Tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án bà Đặng Thị Hồng M trình bày:

Bà M thừa nhận có vay tiền của chị Đào Thị Mỹ U tổng cộng 03 lần cụ thể: Lần thứ nhất vào năm 2012 vay 12.000.000 đồng; lần thứ 2 năm 2013 vay 12.000.000 đồng; lần thứ 3 vay 4.000.000 đồng; mục đích vay là đóng lãi suất cho Ngân hàng N; các phiếu thu của Ngân hàng bà không còn giữ nên không cung cấp cho Tòa án; khi vay tiền bà và ông T không có ký giấy biên nhận nợ với chị U, đối với 03 giấy biên nhận nợ do chị U cung cấp cho Tòa án không phải chữ ký và chữ viết của bà và ông T, đề nghị Tòa án làm rõ chữ ký và chữ viết trong giấy này, bà và ông T đã già yêu không có tiền nên không yêu cầu giám định.

Theo đơn khởi kiện chị U cho rằng bà và ông T nợ 78.000.000 đồng là bao gồm cả tiền lãi suất, trong đó tiền vay gốc chỉ có 28.000.000 đồng; năm 2013 bà đóng tiền lãi suất là 28.000.000 đồng; năm 2014 đóng lãi suất 10.000.000 đồng; năm 2015 đóng lãi suất 7.000.000 đồng, sau đó bà không đóng lãi suất cho chị U từ năm 2016 cho đến nay; tổng cộng số tiền ông bà đóng lãi là 45.000.000 đồng (không giấy tờ gì); ngoài ra chị U còn nhận của vợ chồng bà số tiền 6.000.000 đồng (không có giấy tờ) nhằm mục đích cho cán bộ Ngân hàng. Nay bà không thừa nhận có nợ chị U số tiền vay gốc 78.000.000 đồng, vợ chồng bà chỉ có nợ chị U số tiền gốc 28.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này; đối với số tiền lãi thì ông bà đã đóng cho chị U tổng cộng 45.000.000 đồng và 6.000.000 đồng chị U nhận nói cho cán bộ Ngân hàng (khoảng tiền này chị U tự ý lấy cho cán bộ Ngân hàng không hỏi ý kiến của vợ chồng bà), vậy tổng cộng chị U nhận của vợ chồng bà số tiền 51.000.000 đồng, nay vợ chồng bà đề nghị Tòa án tính lãi theo quy định của pháp luật của số

tiền gốc 28.000.000 đồng từ đầu năm 2013 cho đến nay, nếu tiền lãi nhiều hơn so với số tiền vợ chồng bà giao cho chị U (51.000.000 đồng) thì vợ chồng bà trả thêm cho chị U, còn nếu ít hơn so với tiền lãi chị U đã nhận thì phần còn dư ra trừ vào tiền nợ gốc 28.000.000 đồng mà vợ chồng bà còn nợ chị U.

Các lời khai tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông với bà M là vợ chồng, ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà M, không bổ sung gì thêm.

Ngày 12/9/2017 chị Đào Thị Mỹ U có đơn yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết trong 03 giấy nhận nợ ngày 18/02/2013 (dương lịch), ngày 27/02/2013 (dương lịch), 12/6/2013 (dương lịch) có phải do bà Đặng Thị Hồng M và ông Nguyễn Văn T viết tên và ký hay không. Ngày 10/10/2017 Tòa án ra quyết định yêu cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tây Ninh giám định chữ ký và chữ viết trong 03 giấy nhận nợ do chị U cung cấp, kết luận giám định xác định, chữ ký và chữ viết trong 03 giấy nhận nợ theo Quyết định trưng cầu giám định của Tòa án so với các tài liệu mẫu là do bà Đặng Thị Hồng M và ông Nguyễn Văn T ký và viết.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của chị U yêu cầu bà M, ông T trả cho chị U số tiền vay gốc 78.000.000 đồng, không yêu cầu bà M, ông T phải trả thêm tiền lãi suất 25.120.000 đồng, vì từ khi vay cho đến nay chị U đã nhận tiền lãi của bà M, ông T tổng cộng 22.280.000 đồng nên xin rút lại phần yêu cầu này; đối với tiền chi phí giám định thì giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà M, ông T không đồng ý yêu cầu của chị U; ông, bà thừa nhận có vay tiền của chị U 28.000.000 đồng, nhưng đã trả xong số tiền nợ gốc này vào năm 2013, đối với tiền lãi suất ông bà đã trả cho chị U tổng cộng 45.000.000 đồng và 6.000.000 đồng tiền cho cán bộ Ngân hàng, tổng cộng chị U đã nhận 51.000.000 đồng nên không đồng ý yêu cầu của chị U; về chi phí giám định ông, bà không yêu cầu giám định nên không đồng ý chịu chi phí này.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Mỹ U đối với bà Đặng Thị Hồng M và ông Nguyễn Văn T; buộc bà Đặng Thị Hồng M và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho chị Đào Thị Mỹ U số tiền vay gốc 78.000.000 đồng; Ghi nhận chị U không yêu bà M, ông T trả tiền lãi suất.

+ Về án phí, chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Thị Hồng M phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Mỹ U yêu bà Đặng Thị Hồng M và ông Nguyễn Văn T trả số tiền 103.120.000 đồng, trong đó tiền vay gốc 78.000.000 đồng và 25.120.000 đồng tiền lãi suất (tính từ ngày 12/7/2013 đến ngày 27/7/2017 là 48 tháng X với mức lãi suất 1,125%/tháng = 42.120.000 đồng, trừ số tiền lãi bà M đã trả 17.000.000 đồng), nhưng không được bà M, ông T chấp nhận; ông T, bà M thừa nhận có vay của chị U số tiền gốc 28.000.000 đồng, nhưng đã trả xong vào năm 2013; đối với tiền lãi suất ông, bà đã giao cho chị U số tiền 51.000.000 đồng nên nay không đồng ý yêu cầu của chị U.

[2] Xét thấy, khi nộp đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị Đào Thị Mỹ U cung cấp chứng cứ để chứng cho yêu cầu của mình gồm 03 giấy biên nhận nợ ghi ngày 18/02/2013 (dương lịch), ngày 27/02/2013 (dương lịch), 12/6/2013 (dương lịch) do ông T, bà M ký và viết tên; ông T, bà M thừa nhận có vay tiền của chị U nhưng đã trả xong, ông bà không ký giấy biên nhận nợ nào với chị U. Do ông T, bà M không thừa nhận có ký giấy biên nhận nợ nên ngày 12/9/2017 chị U có đơn yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết trong 03 giấy nhận nợ đã cung cấp cho Tòa án có phải do bà Đặng Thị Hồng M và ông Nguyễn Văn T ký và viết hay không. Tại kết luận giám định số 85/GĐ.2017, ngày 25/10/2017, kết luận chữ ký và chữ viết trong 03 giấy biên nhận nợ theo Quyết định trưng cầu giám định của Tòa án là do bà Đặng Thị Hồng M và ông Nguyễn Văn T ký và viết ra nên Hội đồng xét xử xác định bà M, ông T có hợp đồng vay tiền và ký giấy biện nhận nợ với chị U là có thật, tổng số tiền vay 78.000.000 đồng là phù hợp với chứng cứ do chị U cung cấp; việc chị U yêu cầu bà M, ông T trả số tiền vay gốc 78.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét việc chị U yêu cầu bà M, ông T phải trả thêm số tiền lãi là 25.120.000 đồng (từ ngày 12/7/2013 đến ngày 27/7/2017 là 48 tháng X với mức lãi suất 1,125%/tháng = 42.120.000 đồng, trừ số tiền lãi bà M đã đóng 17.000.000 đồng), nhưng bà M, ông T không chấp nhận, tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của chị U thừa nhận từ khi vay tiền cho đến nay chị U đã nhận tiền lãi suất do bà M, ông T trả tổng cộng là 22.280.000 đồng nên rút lại yêu cầu bà M, ông T phải trả thêm tiền lãi suất 25.120.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi suất nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà M, ông T cho rằng đã trả tiền lãi suất cho chị U tổng cộng 45.000.000 đồng và 6.000.000 đồng chị U tự ý lấy cho cán bộ Ngân hàng, nhưng ông bà không cung cấp được chứng cứ, chứng M cho lời trình bày của mình; chị U cũng không thừa nhận có nhận số tiền 51.000.000 đồng từ bà M, ông T. Mặt khác, ông bà trình bày đã trả cho

chị U số tiền 28.000.000 đồng có sự chứng kiến của anh Phước (chồng chị U), tuy nhiên tại biên bản làm việc với anh Phước ngày 21 tháng 12 năm 2017 (bút lục 66) thể hiện "*Anh không biết việc bà M, ông T trả cho chị U 28.000.000 đồng và cũng không liên quan gì đến việc tranh chấp này*" nên không có cở sở xác định chị U có nhận của bà M, ông T tiền lãi suất 45.000.000 đồng và 6.000.000 đồng, do đó không có cơ sở xem xét yêu cầu này của bà M, ông T.

[4] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Mỹ U, buộc ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Hồng M có nghĩa vụ trả cho chị Đào Thị Mỹ U số tiền 78.000.000 đồng, ghi nhận chị U không yêu cầu tính tiền lãi suất.

[5] Về chi phí giám định: Tại kết luận giám định số 85/GT.2017, ngày 25/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận chữ ký và chữ viết trong 03 giấy biên nhận nợ ghi ngày 18/02/2013 (dương lịch), ngày 27/02/2013 (dương lịch), 12/6/2013 (dương lịch) là do bà Đặng Thị Hồng M và ông Nguyễn Văn T ký và viết ra nên bà M, ông T phải chịu 1.020.000 đồng. Ghi nhận chị U đã nộp xong chi phí này nên buộc bà Đặng Thị Hồng M và ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả lại cho chị U 1.020.000 đồng.

[6] Về án phí: Do ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Hồng M là người có công với cách mạng nên ông, bà được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Mỹ U đối với ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Hồng M.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Hồng M có nghĩa vụ trả cho chị Đào Thị Mỹ U số tiền nợ gốc 78.000.000 đồng (bảy mươi tám triệu) đồng. Ghi nhận chị U không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của chị Đào Thị Mỹ U yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Thị Hồng M phải trả thêm tiền lãi suất 25.120.000 (hai mươi lăm triệu, một trăm hai mươi nghìn) đồng.

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

2.1. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 15 và Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Hồng M được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Đào Thị Mỹ U không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị U số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.578.000 đồng tại biên lai thu số 0024515 ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu.

2.2. Về chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 161 và Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị Hồng M phải chịu 1.020.000 (một triệu, không trăm hai mươi nghìn) đồng tiền chi phí giám định và có nghĩa vụ nộp trả lại cho chị U số tiền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Chị Đào Thị Mỹ U, bà Đặng Thị Hồng M, ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án .

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thanh Quốc